

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025  
(đã được kiểm toán)



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

**Công ty**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

0101311837, đăng ký lần đầu ngày 17/09/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 13/03/2026  
Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

**Trụ sở chính**

Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

**Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Xuân Nam	Chủ tịch
Ông Đặng Minh Huệ	Thành viên
Ông Phí Anh Dũng	Thành viên
Ông Phạm Xuân Ưng	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Minh Huệ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Ưng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Đình Lương	Phó Tổng Giám đốc

**Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Minh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Nga	Thành viên
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên

**Đại diện theo pháp luật**

Ông Kiều Xuân Nam	Chủ tịch
-------------------	----------

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

M. Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Giám đốc



**Đặng Minh Huệ**

Số: /BCKT-TC/AVA

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông, được lập ngày 25/03/2026, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Trần Trí Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
0895-2023-126-1  
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2026

---

**Lê Thùy Dương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số  
2879-2025-126-1

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.321.359.852.639</b>	<b>2.538.671.000.017</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>16.110.119.582</b>	<b>20.458.496.212</b>
1. Tiền	111		16.110.119.582	20.458.496.212
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>70.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>456.462.381.836</b>	<b>481.684.728.841</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	34.517.601.655	71.730.140.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	212.078.276.716	255.658.177.591
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	13.000.000.000	13.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	238.898.628.400	183.328.535.967
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(42.032.124.935)	(42.032.124.935)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.8	<b>1.715.397.081.972</b>	<b>1.955.181.535.421</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.715.397.081.972	1.955.181.535.421
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>63.390.269.249</b>	<b>81.346.239.543</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	8.338.953.822	14.748.142.875
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55.051.315.427	66.598.096.668
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>712.108.845.545</b>	<b>526.124.096.300</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>187.791.096.136</b>	<b>268.041.096.136</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	18.020.096.136	18.020.096.136
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	169.750.000.000	250.000.000.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	21.000.000	21.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.601.517.387</b>	<b>15.560.712.004</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	10.981.338.995	12.853.015.728
- Nguyên giá	222		27.638.878.970	27.523.058.970
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(16.657.539.975)	(14.670.043.242)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.620.178.392	2.707.696.276
- Nguyên giá	228		4.375.894.383	4.375.894.383
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.755.715.991)	(1.668.198.107)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.12	<b>9.856.955.458</b>	<b>12.270.937.458</b>
- Nguyên giá	231		57.777.144.124	57.777.144.124
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(47.920.188.666)	(45.506.206.666)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2	<b>496.000.000.000</b>	<b>227.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		100.000.000.000	81.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		396.000.000.000	146.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.859.276.564</b>	<b>3.251.350.702</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	618.580.254	17.607.845
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.240.696.310	3.233.742.857
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN(270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.033.468.698.184</b>	<b>3.064.795.096.317</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.542.792.885.821</b>	<b>1.680.959.670.491</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.161.899.890.914</b>	<b>1.667.398.621.672</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	67.331.702.932	414.173.241.599
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	74.229.797.264	323.865.663.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	43.750.105.345	36.519.175.493
4. Phải trả người lao động	314		1.504.858.718	2.103.222.167
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	121.712.178.941	162.842.712.070
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	2.089.168.384	3.294.590.131
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	725.584.439.600	608.199.914.336
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	125.697.639.730	116.255.973.796
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	144.128.599
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>380.892.994.907</b>	<b>13.561.048.819</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	10.677.033.209	12.720.389.264
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	370.215.961.698	840.659.555
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.490.675.812.363</b>	<b>1.383.835.425.826</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.20	<b>1.490.675.812.363</b>	<b>1.383.835.425.826</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.364.142.580.000	1.251.509.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.364.142.580.000	1.251.509.390.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		10.731.436.000	10.731.436.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.100.000.000	2.100.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		56.608.219	56.608.219
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.645.188.144	119.437.991.607
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.804.801.607	54.245.825.748
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		106.840.386.537	65.192.165.859
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN(440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.033.468.698.184</b>	<b>3.064.795.096.317</b>

Người lập biểu



Ung Quang Sơn

Kế toán trưởng



Phan Tạ Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Đặng Minh Huệ

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	606.173.559.352	611.367.733.216
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		<b>606.173.559.352</b>	<b>611.367.733.216</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	416.023.611.935	434.791.751.454
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		<b>190.149.947.417</b>	<b>176.575.981.762</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	6.346.402.565	677.380.658
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	511.480.450	1.001.702.116
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		511.480.450	1.001.702.116
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5	27.828.486.298	31.429.946.324
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	29.848.751.089	31.260.195.932
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		<b>138.307.632.145</b>	<b>113.561.518.048</b>
10. Thu nhập khác	31	VI.6	1.603.462.750	402.611.952
11. Chi phí khác	32	VI.7	3.439.731.633	19.987.024.847
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		<b>(1.836.268.883)</b>	<b>(19.584.412.895)</b>
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		<b>136.471.363.262</b>	<b>93.977.105.153</b>
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	30.756.480.661	24.189.134.140
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.10	(1.125.503.936)	4.595.805.154
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		<b>106.840.386.537</b>	<b>65.192.165.859</b>

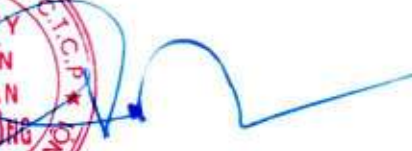
Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Ung Quang Sơn

Phan Tạ Thanh Huyền

Đặng Minh Huệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Mẫu số B 03 - DN****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		136.471.363.262	93.977.105.153
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.488.996.617	4.558.323.595
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(6.346.402.565)	(677.380.658)
- Chi phí lãi vay	06		511.480.450	1.001.702.116
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		<b>135.125.437.764</b>	<b>98.859.750.206</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		75.812.174.793	(187.537.394.209)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		239.784.453.449	220.910.926.619
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(521.454.143.370)	(38.111.864.026)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.808.216.644	30.868.950.485
- Tiền lãi vay đã trả	14		(511.480.450)	(1.001.702.116)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(25.016.457.503)	(32.948.057.736)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(144.128.599)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(90.595.927.272)</b>	<b>91.040.609.223</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(115.820.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(70.000.000.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(250.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		25.200.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và LN được chia	27		2.346.402.565	870.642.220
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(292.569.417.435)</b>	<b>870.642.220</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		411.300.792.027	48.081.183.206
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(32.483.823.950)	(348.530.357.294)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>378.816.968.077</b>	<b>(300.449.174.088)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(4.348.376.630)</b>	<b>(208.537.922.645)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.458.496.212	228.996.418.857
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>16.110.119.582</b>	<b>20.458.496.212</b>

Người lập biểu



Ung Quang Sơn

Kế toán trưởng



Phan Tu Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2025

Tổng Giám đốc



Đặng Minh Huệ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Năm 2025

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Mê Kông.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101311837, đăng ký lần đầu ngày 17/09/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 29 ngày 13/03/2026, do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: 1.364.142.580.000 đồng.

Tổng số cổ phần: 1.364.142.580 cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Kinh doanh Bất động sản, xây lắp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Và các hoạt động khác đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

**Danh sách các công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hoàng Kim Thái Nguyên	100%	100%	Xóm Hộ, phường Vạn Xuân, tỉnh Thái Nguyên. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và cho thuê.
Công ty CP Đầu tư DX Việt Nam	90%	90%	Thôn Đặng, Xã Thuận An, TP Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và cho thuê

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**

Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

**Danh sách các công ty liên doanh, liên kết**

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Địa chỉ - Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Mekonghomes	30%	30%	Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và cho thuê.
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị	35%	35%	Thôn Hà Thôn, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và cho thuê.
Công ty CP Phát triển Nhà Mekong	48%	48%	Tầng 11, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất và cho thuê.

**Tổng số cán bộ nhân viên**

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có 79 cán bộ nhân viên (tại ngày 01/01/2025, có 76 cán bộ nhân viên).

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập đảm bảo tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán thường niên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. Các chính sách kế toán áp dụng****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Các khoản đầu tư tài chính****Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

**Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

**3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và các phương pháp khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư****Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm
- Tài sản cố định khác	05 năm

Chênh lệch giữa thu thuần do thanh lý nhượng bán với giá trị còn lại của TSCĐ được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BĐSDT cho thuê hoạt động được trích khấu hao và ghi nhận vào chi phí kinh doanh trong kỳ (kể cả trong thời gian ngừng cho thuê). Công ty dựa vào các bất động sản chủ sở hữu sử dụng cùng loại để ước tính thời gian trích khấu hao và xác định phương pháp khấu hao của BĐSĐT.

**6. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh****Hình thức hoạt động chia lợi nhuận sau thuế**

Công ty được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng:

- Bên thực hiện kế toán của Hợp đồng hợp tác kinh doanh ghi nhận toàn bộ doanh thu, chi phí, và lợi nhuận sau thuế của Hợp đồng hợp tác kinh doanh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của mình. Trong đó, chi phí của Hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm cả khoản lợi nhuận cố định trả cho các bên khác tham gia Hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- Các bên còn lại chỉ ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là ngắn hạn hoặc dài hạn.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay, nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Doanh thu chưa thực hiện không bao gồm:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Từng kỳ kế toán, doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu trong kỳ.

### **14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.

Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính có liên quan.

**Thu nhập khác**

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù đi đời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

**19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

**Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**Chi phí Thuế thu nhập hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**20.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty và Chi nhánh Công ty.

**20.2. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

**1. Tiền**

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền mặt tại quỹ	2.588.644.484	14.269.865.440
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.521.475.098	6.188.630.772
	<b>16.110.119.582</b>	<b>20.458.496.212</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính****2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	-	-
	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	-	-

Tại ngày 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ dưới 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,8%/năm đến 7,8%/năm.

**2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Mê Kông (i)	-	-	80.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hoàng Kim Thái Nguyên (ii)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư DX Việt Nam (iii)	99.000.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
Công ty CP Mekonghomes (iv)	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị (v)	56.000.000.000	-	56.000.000.000	-
Công ty CP Phát triển Nhà Mekong (vi)	250.000.000.000	-	-	-
	<b>496.000.000.000</b>	-	<b>227.000.000.000</b>	-

**Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2025 như sau:**

- (i) Tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Mê Kông là 80%. Tại ngày 31/12/2025 Công ty đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Mê Kông.
- (ii) Tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH MTV Hoàng Kim Thái Nguyên là 100%. Trong kỳ kế toán, công ty con đang trong quá trình thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư và chưa tiến hành hoạt động kinh doanh.
- (iii) Tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Đầu tư DX Việt Nam là 90%. Trong kỳ kế toán, công ty con đang có định hướng làm dự án bất động sản.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

- (iv) Tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Mekonghomes là 30%. Trong kỳ kế toán, công ty liên kết đang trong quá trình thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư và chưa tiến hành hoạt động kinh doanh.
- (v) Tỷ lệ sở hữu tại Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị là 35%. Trong kỳ kế toán, công ty liên kết đang trong quá trình thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư và chưa tiến hành hoạt động kinh doanh.
- (vi) Tỷ lệ sở hữu tại Công ty CP Phát triển nhà Mekong là 48%. Trong kỳ kế toán, công ty liên kết đang trong quá trình thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư và chưa tiến hành hoạt động kinh doanh.
- Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán, do chưa có hướng dẫn cụ thể, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác giá trị ghi sổ.

**3. Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Các bên khác</b>		
Các khách hàng thuộc Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	6.125.540.464	9.733.916.149
Công ty TNHH Một thành viên Mai Động	11.198.454.622	11.198.454.622
Học viện Quốc phòng	7.159.240.000	7.159.240.000
Các khách hàng thuộc Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	1.745.595.500	1.745.595.500
Khách hàng khác	8.251.502.846	7.878.046.646
<b>Bên liên quan</b>		
Các khách hàng thuộc Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	37.268.223	34.014.887.301
Ông Kiều Xuân Nam	-	13.335.470.900
Ông Kiều Xuân Phan	-	19.277.285.401
Ông Phạm Xuân Ương	-	1.402.131.000
Ông Nguyễn Hoàng	37.268.223	-
	<b>34.517.601.655</b>	<b>71.730.140.218</b>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu khách hàng dự án Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	18.020.096.136	18.020.096.136
	<b>18.020.096.136</b>	<b>18.020.096.136</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thiên Hà Xanh	107.735.436.182	171.651.525.644
Công ty CP Đại Phúc Complex	42.878.335.145	42.878.335.145
Các bên khác	61.464.505.389	41.128.316.802
	<b>212.078.276.716</b>	<b>255.658.177.591</b>
<b>Dài hạn</b>		
Ông Nguyễn Hoàng Hà (i)	169.750.000.000	250.000.000.000
	<b>169.750.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>

- (i) Khoản ứng trước cho ông Nguyễn Hoàng Hà để chuyển nhượng quyền sử dụng đất các lô đất tại Hòa Bình với tổng diện tích là 30,6 ha. Thời gian thực hiện chuyển nhượng là 36 tháng kể từ ngày 18/12/2024.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**5. Phải thu về cho vay**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH MTV Mai Động	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
	<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>

Cho Công ty TNHH MTV Mai Động vay không có tài sản đảm bảo, lãi suất 1,06%/tháng. Tại ngày 31/12/2025 Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản cho vay này.

**6. Phải thu khác**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
<b>Các bên khác</b>				
Tạm ứng	2.171.876.848	1.114.321.278	3.889.658.671	1.114.321.278
Phải thu về lãi vay	108.069.671	-	108.069.671	-
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư - Xây dựng HJC	2.930.472.638	2.930.472.638	2.930.472.638	2.930.472.638
Dương Minh Đức (i)	-	-	132.000.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Vina Invest (ii)	162.847.691.250	-	31.978.741.726	-
Đối tượng khác	60.374.537.268	1.565.799.167	648.110.135	1.565.799.167
Phải trả khác	7.344.255.069	-	7.730.371.966	-
<b>Bên liên quan</b>				
Ông Kiều Xuân Nam	1.105.397.290	-	3.921.888.390	-
Ông Kiều Xuân Phan	659.594.896	-	-	-
Ông Phạm Xuân Ưông	368.392.650	-	-	-
Ông Nguyễn Hoàng	488.182.270	-	121.222.770	-
Ông Đặng Minh Huệ	500.158.550	-	-	-
	<b>238.898.628.400</b>	<b>5.610.593.083</b>	<b>183.328.535.967</b>	<b>5.610.593.083</b>
<b>Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	21.000.000	-	21.000.000	-
	<b>21.000.000</b>	<b>-</b>	<b>21.000.000</b>	<b>-</b>

- (i) Khoản tiền ứng cho ông Dương Minh Đức chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Đầu tư DX Việt Nam, trong năm 2025 hợp đồng đã thực hiện và được thanh lý.
- (ii) Khoản ứng trước hỗ trợ tài chính cho đối tác theo biên bản thỏa thuận hỗ trợ tài chính ký ngày 01/07/2024 giữa Công ty CP Tập đoàn Nam Mê Kông và Công ty Cổ phần Bất động sản Vina Invest. Khoản này sẽ được bù trừ khi hai bên xác nhận lợi nhuận phát sinh từ hợp tác đầu tư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MỀ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**7. Nợ xấu**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>23.421.531.852</b>		<b>23.421.531.852</b>	
Học viện Quốc phòng	7.159.240.000		7.159.240.000	
Đội xây dựng số 5 - Nguyễn Xuân Sơn	3.259.879.117		3.259.879.117	
Công ty TNHH Một thành viên Mai Động - NM Cơ khí Mai Lâm	11.198.454.622		11.198.454.622	
CN Nhà máy VLXD - Dự phòng PTKĐ	1.803.958.113		1.803.958.113	
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>13.000.000.000</b>		<b>13.000.000.000</b>	
Công ty TNHH MTV Mai động	13.000.000.000		13.000.000.000	
<b>Các khoản phải thu khác</b>	<b>5.610.593.083</b>	-	<b>5.610.593.083</b>	-
Công ty Hạ tầng & Đô thị Vinaconex	504.900.000	-	504.900.000	-
Công ty Cam Lâm	852.017.000	-	852.017.000	-
Đặng Anh Tuấn	500.000.000	-	500.000.000	-
CN Nhà máy VLXD	392.104.371	-	392.104.371	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư - Xây dựng HJC	2.930.472.638	-	2.930.472.638	-
Công nợ cũ NM VLXD	431.099.074	-	431.099.074	-
	<b>42.032.124.935</b>	-	<b>42.032.124.935</b>	-

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	676.811.083	-	676.811.083	-
Chi phí SXKD dở dang	1.714.720.270.889	-	1.954.504.724.338	-
Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	1.185.631.765.554		1.450.193.872.327	
Dự án The Charm Bình Dương	498.266.759.044		475.546.188.713	
Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	19.807.592.953		19.180.097.762	
Dự án Phan Đình Phùng, Thái Nguyên	4.679.561.066		4.679.561.066	
Các dự án khác	6.334.592.272		4.905.004.470	
	<b>1.715.397.081.972</b>	-	<b>1.955.181.535.421</b>	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 1.185.631.765.554

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**9. Chi phí trả trước****Ngắn hạn**

Hoa hồng môi giới nhà chưa bán giao

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

31/12/202501/01/2025

8.301.069.000

14.664.610.295

37.884.822

83.532.580

8.338.953.82214.748.142.875**Dài hạn**

Công cụ dụng cụ chờ phân bổ

618.580.254

17.607.845

618.580.25417.607.845**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình****Phụ lục số 01****11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình****Khoản mục****Quyền sử dụng đất****Nguyên giá**

Số dư 01/01/2025

Số dư 31/12/2025

4.375.894.3834.375.894.383**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư 01/01/2025

Khấu hao trong kỳ

Số dư 31/12/2025

1.668.198.107

87.517.8841.755.715.991**Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2025

Tại ngày 31/12/2025

2.707.696.2762.620.178.392**12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư****Bất động sản đầu tư cho thuê****Khoản mục****Quyền sử dụng đất  
và cơ sở hạ tầng****Nguyên giá**

Số dư 01/01/2025

Số dư 31/12/2025

57.777.144.12457.777.144.124**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư 01/01/2025

Khấu hao trong kỳ

Số dư 31/12/2025

45.506.206.666

2.413.982.00047.920.188.666

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MỀ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Giá trị còn lại**

Tại ngày 01/01/2025

12.270.937.458

Tại ngày 31/12/2025

**9.856.955.458**

Bất động sản đầu tư tại 31/12/2025 là giá trị quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng tại chợ Thương (Bắc Giang) và chợ Bo (Thái Bình).

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025.

**13. Phải trả người bán**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	01/01/2025
<b>Ngắn hạn</b>		
Tổng công ty Đầu tư và Phát triển công nghiệp - CTCP	143.449.689	315.104.503.837
Công ty CP Vinaconex 25	23.199.577.923	45.446.077.923
Đội Xây dựng số 5 - Nguyễn Xuân Sơn	10.199.076.505	10.199.076.505
Khách hàng khác	33.789.598.815	43.423.583.334
	<b>67.331.702.932</b>	<b>414.173.241.599</b>

**14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2025	01/01/2025
<b>Ngắn hạn</b>		
<b>Các bên khác</b>		
Các khách hàng thuộc Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	74.081.634.607	206.686.245.864
Khách hàng khác	122.792.379	43.572.558
<b>Bên liên quan</b>		
Các khách hàng thuộc Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2		
Ông Kiều Xuân Nam	-	53.448.782.451
Ông Kiều Xuân Phan	-	38.698.651.763
Ông Đặng Minh Huệ	25.370.278	24.988.410.845
	<b>74.229.797.264</b>	<b>323.865.663.481</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****Phải nộp**

	31/12/2025	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01/01/2025
Thuế GTGT phải nộp	3.925.290.586	1.796.056.263	-	2.129.234.323
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.941.243.845	30.637.930.178	25.016.457.503	33.319.771.170
Thuế thu nhập cá nhân	883.570.914	412.544.614	599.143.700	1.070.170.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	894.799.134	894.799.134	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
	<b>43.750.105.345</b>	<b>33.745.330.189</b>	<b>26.514.400.337</b>	<b>36.519.175.493</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**16. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước chi phí các dự án bất động sản	115.770.065.261	157.520.686.763
Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	104.111.938.620	145.862.560.122
Dự án Minh Khai	7.848.505.251	7.848.505.251
Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	3.809.621.390	3.809.621.390
Trích trước chi phí công trình xây lắp	3.136.833.336	2.884.215.304
Trích trước chi phí lãi vay	2.805.280.344	2.437.810.003
	<b>121.712.178.941</b>	<b>162.842.712.070</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	2.089.168.384	2.089.168.384
Dự án Chợ Bo (Thái Bình)	-	1.205.421.747
	<b>2.089.168.384</b>	<b>3.294.590.131</b>
<b>Dài hạn</b>		
Dự án Chợ Thương (Bắc Giang)	10.677.033.209	12.720.389.264
	<b>10.677.033.209</b>	<b>12.720.389.264</b>

**18. Phải trả khác**

	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
Kinh phí công đoàn	797.677.521	923.977.521
Công ty CP Bất động sản Vina Invest (i)	650.000.000.000	590.260.000.000
Khách hàng đặt giữ chỗ mua sản phẩm bất động sản tại các dự án:		
Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2	2.677.499.541	-
Dự án Khu dân cư Vinaconex 3 - Phố Yên	7.111.508.860	7.151.508.860
Dự án Phan Đình Phùng - Thái Nguyên	5.834.112.114	5.834.112.114
Phải trả phải nộp khác	59.163.641.564	4.030.315.841
	<b>725.584.439.600</b>	<b>608.199.914.336</b>

- (i) Khoản tiền hợp tác đầu tư và kinh doanh dự án khu đô thị Bảo Ninh 2 giữa Công ty và Công ty CP Bất động sản Vina Invest (Vina) theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/HĐHTDT/NKM-VNI ngày 27/12/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**19. Vay và nợ thuê tài chính****19.1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			
	31/12/2025	Tăng	Giảm	01/01/2025
<b>Ngân hàng</b>	<b>11.070.365.516</b>	<b>35.750.830.329</b>	<b>27.807.031.359</b>	<b>3.126.566.546</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (i)	11.070.365.516	15.840.820.329	7.897.021.359	3.126.566.546
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (v)	-	19.910.010.000	19.910.010.000	-
<b>Vay nợ DH đến hạn trả</b>	<b>114.627.274.214</b>	<b>2.667.000.000</b>	<b>1.169.133.036</b>	<b>113.129.407.250</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bất động sản Leva (ii)	111.960.274.214	-	-	111.960.274.214
Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (iii)	-	-	806.933.040	806.933.040
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (iv)	-	-	362.199.996	362.199.996
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở (vii)	2.667.000.000	2.667.000.000	-	-
	<b>125.697.639.730</b>	<b>38.417.830.329</b>	<b>28.976.164.395</b>	<b>116.255.973.796</b>

**19.2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Giá trị và số có khả năng trả nợ			
	31/12/2025	Tăng	Giảm	01/01/2025
<b>Vay ngân hàng</b>				
Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam (iii)	-	-	689.742.870	689.742.870
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa (iv)	-	-	150.916.685	150.916.685
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (vi)	354.192.255.423	354.192.255.423	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở (vii)	16.023.706.275	18.690.706.275	2.667.000.000	-
	<b>370.215.961.698</b>	<b>372.882.961.698</b>	<b>3.507.659.555</b>	<b>840.659.555</b>

- (i) Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đống Đa số 399/2025-HĐCVHM/NHCT126-NAMMEKONG ngày 10/07/2025 hạn mức 20.000.000.000 đồng, với kỳ hạn vay 08 tháng. Lãi suất xác định theo từng lần giải ngân. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (ii) Hợp đồng vay với Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Bất động sản Leva với lãi suất 0%/năm, hình thức đảm bảo tín chấp.
- (iii) Hợp đồng ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với gốc vay có kỳ hạn 36 tháng, gốc vay đáo hạn từ 03/2024 đến 07/2025, lãi suất xác định theo từng lần giải ngân, sau đó thay đổi theo biểu lãi suất của ngân hàng. Hình thức đảm bảo là tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

- (iv) Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với gốc vay có kỳ hạn 60 tháng, đáo hạn vào ngày 02/06/2027, lãi suất xác định theo từng lần giải ngân, các năm tiếp theo lãi suất bằng lãi suất cơ sở 4%.
- (v) Hợp đồng vay thấu chi với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An số 07/2025-DCVHMT/NHCT320-NAM MÊ KÔNG hạn mức 20.000.000.000 đồng, gốc vay có kỳ hạn trong năm 2025, lãi suất theo từng lần giải ngân. Mục đích vay thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- (vi) Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An số 06-2025-HDCVDADT/NHCT320-NAMMEKONG hạn mức 315.000.000.000 đồng, với gốc vay có kỳ hạn 60 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh với biên độ 3,2% tại Thời hạn điều chỉnh lãi suất. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí nhận chuyển nhượng Dự án tại Khu đô thị mới (Khu 1) phường Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An số 08-2025-HDCVDADT/NHCT320-NAMMEKONG ngày 06/08/2025 hạn mức 30.000.000.000 đồng, với gốc vay có kỳ hạn 60 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh với biên độ 3,2% tại Thời hạn điều chỉnh lãi suất. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng Dự án Tổ hợp căn hộ cao cấp THE CHARMS BÌNH DƯƠNG lô đất A4 thuộc Khu đô thị mới (Khu 1) thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương.

Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An số 12-2025-HDCVDADT/NHCT320-NAMMEKONG ngày 10/12/2025 hạn mức 1.255.000.000.000 đồng, với gốc vay có kỳ hạn 60 tháng, lãi suất theo từng lần giải ngân và được điều chỉnh với biên độ 3,2% tại Thời hạn điều chỉnh lãi suất. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để thực hiện Dự án: "Tổ hợp căn hộ cao cấp thuộc khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương" tại Lô đất A4 Khu đô thị mới thuộc Khu liên hợp Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị Bình Dương tại phường Bình Dương, TP Hồ Chí Minh.

- (vii) Hợp đồng vay với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở số BCLC-6394-01 ngày 29/07/2025 với Hạn mức 250.000.000.000 đồng, có kỳ hạn 48 tháng, lãi suất xác định theo từng lần giải ngân, các năm tiếp theo lãi suất bằng lãi suất cơ sở biên độ 3,2%. Mục đích sử dụng vốn vay đầu tư thực hiện và phát triển Dự án: "Đầu tư xây dựng công trình Nhà ở xã hội Bảo Ninh 2".

**20. Vốn chủ sở hữu****20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Phụ lục số 02

20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	31/12/2025		01/01/2025	
	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị
Đối tượng khác	100,00	1.364.142.580.000	100,00	1.251.509.390.000
	<b>100,00</b>	<b>1.364.142.580.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.251.509.390.000</b>

**20.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận****Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn góp đầu kỳ	1.251.509.390.000	1.117.421.980.000
Vốn góp tăng trong kỳ	112.633.190.000	134.087.410.000
Vốn góp cuối kỳ	1.364.142.580.000	1.251.509.390.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MỀ KÔNG**

Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

<b>20.4. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>136.414.258</b>	<b>125.150.939</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	136.414.258	125.150.939
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	136.414.258	125.150.939
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>10.000</b>	<b>10.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MỀ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu kinh doanh bất động sản	599.273.628.086	608.052.794.985
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.899.931.266	3.314.938.231
	<b>606.173.559.352</b>	<b>611.367.733.216</b>

Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan  
(Thuyết minh VII.2.2)

	348.157.863.601	152.663.936.181
	<b>348.157.863.601</b>	<b>152.663.936.181</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn kinh doanh bất động sản	410.435.457.615	431.667.626.604
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.588.154.320	3.124.124.850
	<b>416.023.611.935</b>	<b>434.791.751.454</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.346.402.565	677.380.658
Thanh lý công ty con	4.000.000.000	-
	<b>6.346.402.565</b>	<b>677.380.658</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền vay	511.480.450	1.001.702.116
	<b>511.480.450</b>	<b>1.001.702.116</b>

**5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2025	Năm 2024
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí môi giới	27.813.934.209	31.383.619.636
Chi phí khác bằng tiền	14.552.089	46.326.688
	<b>27.828.486.298</b>	<b>31.429.946.324</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	16.044.207.802	18.906.765.611
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.893.968	154.842.376
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.075.014.617	2.144.341.595
Chi phí - Thuế, phí và lệ phí	653.964.374	811.739.073
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.022.031.264	6.597.998.681
Chi phí bằng tiền khác	4.050.639.064	2.644.508.596
	<b>29.848.751.089</b>	<b>31.260.195.932</b>
<b>6. Thu nhập khác</b>		
	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
Tiền chậm nộp mua nhà	1.006.127.806	402.608.839
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	296.500.000	-
Các khoản khác	300.834.944	3.113
	<b>1.603.462.750</b>	<b>402.611.952</b>
<b>7. Chi phí khác</b>		
	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
Các khoản tài trợ	-	800.141.040
Các khoản phạt	3.072.219.658	19.186.883.801
Các khoản khác	367.511.975	6
	<b>3.439.731.633</b>	<b>19.987.024.847</b>
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
Chi phí hình thành bất động sản trong kỳ	176.239.158.486	213.880.824.835
Chi phí nhân công	16.044.207.802	18.906.765.611
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.075.014.617	2.144.341.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.835.965.473	37.981.618.317
Chi phí khác bằng tiền	4.722.049.495	3.657.416.733
	<b>233.916.395.873</b>	<b>276.570.967.491</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.311.776.946	190.813.381
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	262.355.389	38.162.676
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>262.355.389</b>	<b>38.162.676</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MỀ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	135.159.586.316	93.786.291.772
Các khoản điều chỉnh tăng	3.852.007.358	20.399.300.572
Chi phí không hợp lệ	3.439.731.633	19.987.024.847
Chi phí khấu hao ô tô không được trừ	412.275.725	412.275.725
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	27.802.318.735	22.837.118.469
Chi phí tạm nộp thuế TNDN 1% năm nay	2.691.806.537	1.313.852.995
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>30.494.125.272</b>	<b>24.150.971.464</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>30.756.480.661</b>	<b>24.189.134.140</b>
<b>10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm	(1.125.503.936)	4.595.805.154
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>(1.125.503.936)</b>	<b>4.595.805.154</b>

**VII. Những thông tin khác**

Đơn vị tính: VND

**1. Cam kết khác**

Cam kết theo các thỏa thuận hỗ trợ lãi suất cho khách hàng mua căn hộ, biệt thự tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2: Công ty đã ký thỏa thuận ba bên với các khách hàng mua bất động sản tại dự án Khu đô thị Bảo Ninh 2 với Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam cho các khách hàng mua bất động sản này vay để thanh toán tiền mua bất động sản. Theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ hỗ trợ chi trả một phần lãi suất theo các hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và khách hàng trong thời hạn quy định theo thỏa thuận.

Công ty đã sử dụng tài sản hợp pháp của Công ty để đảm bảo nghĩa vụ vay của Công ty CP Bất động sản Vina Invest tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 25/02/2026, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐQT, thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động ("Chương trình ESOP") năm 2025. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 2.000.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu, tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 20.000.000.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty sau đợt phát hành thành công là 1.384.142.580.000 đồng.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

**3.1. Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Công ty TNHH Hoàng Kim Thái Nguyên  
 Công ty CP Đầu tư DX Việt Nam  
 Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hữu Nghị  
 Công ty Cổ phần Mekonghomes  
 Công ty CP Phát triển Nhà Mekong  
 Ông Kiều Xuân Nam  
 Ông Đặng Minh Huệ  
 Ông Phạm Xuân Ưống  
 Ông Phí Anh Dũng  
 Ông Nguyễn Hoàng  
 Ông Võ Đình Lượng  
 Ông Nguyễn Tuấn Minh  
 Bà Nguyễn Thị Thu Nga  
 Bà Phạm Thị Vân  
 Bà Phan Tạ Thanh Huyền  
 Ông Kiều Xuân Phan

**Mối quan hệ**

Công ty con  
 Công ty con  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Công ty liên kết  
 Chủ tịch HĐQT  
 Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc  
 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc  
 Thành viên HĐQT  
 Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Trưởng Ban kiểm soát  
 Thành viên Ban kiểm soát  
 Thành viên Ban kiểm soát  
 Kế toán trưởng  
 Người thân của Chủ tịch HĐQT

**3.2. Trong kỳ Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau**

<u>Nội dung/ Bên liên quan</u>	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
<b>Ông Kiều Xuân Nam</b>		
Doanh thu bán sản phẩm bất động sản	53.448.782.451	113.119.647.272
Ứng trước tiền lệ phí trước bạ	-	823.895.400
<b>Ông Kiều Xuân Phan</b>		
Doanh thu bán sản phẩm bất động sản	65.905.109.043	16.992.694.364

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

<b>Ông Phạm Xuân Ưởng</b> Doanh thu bán sản phẩm bất động sản	68.152.908.423	-
<b>Ông Nguyễn Hoàng</b> Nhận tiền bán sản phẩm bất động sản	-	16.971.402.000
Doanh thu bán sản phẩm bất động sản	67.892.965.349	22.551.594.545
Ứng trước tiền lệ phí trước bạ	-	121.222.770
<b>Ông Đặng Minh Huệ</b> Doanh thu bán sản phẩm bất động sản	92.758.098.335	-

**3.3. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán**

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày tại Thuyết minh V.

**3.4. Giao dịch với các bên liên quan khác như sau**

<b>Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT và Ban KS</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>Năm 2024</b>
Chủ tịch và thành viên HĐQT không kiêm nhiệm	735.643.000	718.014.500
Thành viên HĐQT kiêm thành viên Ban Tổng giám đốc	1.808.598.000	1.990.771.250
Thành viên Ban Tổng giám đốc khác	533.744.000	606.957.800
Ban kiểm soát	1.145.420.000	1.095.685.100

**4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thoả mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện sáu (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Người lập biểu



Ung Quang Sơn

Kế toán trưởng



Phan Tạ Thanh Huyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2026

Tổng Giám đốc



Đặng Minh Huệ

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Phụ lục số 01****10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ QL</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư 01/01/2025	7.669.228.517	770.857.143	17.094.158.612	1.988.814.698	27.523.058.970
Mua trong kỳ				115.820.000	115.820.000
<b>Số dư 31/12/2025</b>	<b>7.669.228.517</b>	<b>770.857.143</b>	<b>17.094.158.612</b>	<b>2.104.634.698</b>	<b>27.638.878.970</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư 01/01/2025	5.776.425.048	749.775.204	6.174.977.660	1.968.865.330	14.670.043.242
Khấu hao trong kỳ	343.397.172	21.081.939	1.597.997.736	25.019.886	1.987.496.733
<b>Số dư 31/12/2025</b>	<b>6.119.822.220</b>	<b>770.857.143</b>	<b>7.772.975.396</b>	<b>1.993.885.216</b>	<b>16.657.539.975</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2025	1.892.803.469	21.081.939	10.919.180.952	19.949.368	12.853.015.728
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>1.549.406.297</b>	<b>-</b>	<b>9.321.183.216</b>	<b>110.749.482</b>	<b>10.981.338.995</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM MÊ KÔNG**Tầng 11, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu,  
phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**  
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025**Phụ lục số 02****20. Vốn chủ sở hữu****20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi TP	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa PP	Cộng
Số dư 01/01/2024	1.117.421.980.000	10.731.436.000	2.100.000.000	56.608.219	188.333.235.748	1.318.643.259.967
Lãi/(lỗ) trong kỳ					65.192.165.859	65.192.165.859
Chia cổ phiếu bằng cổ tức	134.087.410.000				(134.087.410.000)	-
<b>Số dư 31/12/2024</b>	<b>1.251.509.390.000</b>	<b>10.731.436.000</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>56.608.219</b>	<b>119.437.991.607</b>	<b>1.383.835.425.826</b>
Số dư 01/01/2025	1.251.509.390.000	10.731.436.000	2.100.000.000	56.608.219	119.437.991.607	1.383.835.425.826
Lãi/(lỗ) trong kỳ					106.840.386.537	106.840.386.537
Chia cổ phiếu bằng cổ tức	112.633.190.000				(112.633.190.000)	-
<b>Số dư 31/12/2025</b>	<b>1.364.142.580.000</b>	<b>10.731.436.000</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>56.608.219</b>	<b>113.645.188.144</b>	<b>1.490.675.812.363</b>

